

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2020 về việc tranh chấp “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Lê Đăng Ng, sinh năm: 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn BP, xã NH, huyện LG, tỉnh BG. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn BP, xã NH, huyện LG, tỉnh BG. Nơi ở: thôn TD, xã TH, huyện LG, tỉnh BG. Hiện đang lao động ở nước ngoài. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Đào Thị M - sinh năm 1971
Địa chỉ: thôn TD, xã TH, huyện LG, tỉnh BG. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lê Đăng Ng trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị V trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/12/2011 tại UBND xã NH, huyện LG, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống hằng ngày bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Sau đó chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay anh không liên lạc gì với chị V, thời gian quá lâu tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V .

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị V có 01 con chung là cháu Lê Minh Tr, sinh ngày 10/11/2012. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn đề nghị ngày 21/7/2020 anh Ng trình bày: tại đơn khởi kiện anh đề nghị được nuôi con chung, nhưng nay xét thấy để đảm bảo cuộc sống của cháu và theo nguyện vọng của bà ngoại cháu là bà Đào Thị M đồng ý đứng ra nuôi dưỡng con chung của anh chị là cháu Tr, anh và chị V cũng thống nhất đồng ý để bà Đào Thị M--sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn TD, xã TH, huyện LG, tỉnh BG đứng ra chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr khi chị V không có nhà. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị V hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Nguyễn Thị V.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bà Bà Đào Thị M - sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn TD, xã TH, huyện LG, tỉnh BG (mẹ đẻ chị V). Bà Đào Thị M có quan điểm trình bày như sau:

- Tôi là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị V có địa chỉ như trên. Tôi đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án về việc anh Ng xin ly hôn con tôi. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại Angola không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của con tôi ở bên nước ngoài thì tôi không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình tôi thông báo để chị V gửi quan điểm về thì chúng tôi từ chối thực hiện. Về việc anh Ng xin ly hôn thì chị V có quan điểm trao đổi về với gia đình là:

+ Về quan hệ hôn nhân: Con tôi (V) đồng ý ly hôn với anh Lê Đăng Ng.

+ Về con chung: anh Ng và chị V có 01 con chung Lê Minh Tr, sinh ngày

10/11/2012. Nay ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Do tình hình dịch bệnh nên con tôi không thể về nước để giải quyết vụ án được. Đề nghị Tòa án triệu tập tôi là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Con tôi và tôi thống nhất đồng ý để tôi đứng ra chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr khi chị V không có nhà. Tôi cũng đã chăm sóc cháu Tr từ nhỏ đến giờ, đưa đón cháu đi học và hiện nay cháu vẫn phát triển bình thường. Vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang chấp nhận để tôi được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Đăng Ng, bà Đào Thị M xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị V vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Lê Đăng Ng được ly hôn chị Nguyễn Thị V. Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 104 – Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là cháu Lê Minh Tr, sinh ngày 10/11/2012 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Lê Đăng Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Đăng Ng là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị V. Bị đơn chị Nguyễn Thị V là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn BP, xã NH, huyện LG, tỉnh BG. Nơi ở hiện nay: thôn TD, xã TH, huyện LG, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 17795/QLXNC-P5 ngày 01/11/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị V đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 05/11/2014, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị Nguyễn Thị V. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được TAND huyện LG thụ lý số 406/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2019 và có Quyết định chuyển vụ án số 02/2019/QĐ-TA ngày 28/11/2019 đến TAND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Lê Đăng Ng và bà Đào Thị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị V vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị V theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Đăng Ng, chị Nguyễn Thị V và bà Đào Thị M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Lê Đăng Ng kết hôn với chị Nguyễn Thị V trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/12/2011 tại UBND xã NH, huyện LG, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống hằng ngày bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Sau đó chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cũng

không còn liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Lê Đăng Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Thông qua người thân (là mẹ đẻ) chị Nguyễn Thị V có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Lê Đăng Ng.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Lê Đăng Ng và chị Nguyễn Thị V là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh Lê Đăng Ng và chị Nguyễn Thị V mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Lê Đăng Ng và chị Nguyễn Thị V đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Đăng Ng và chị Nguyễn Thị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Lê Đăng Ng và chị Nguyễn Thị V đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Lê Đăng Ng được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh Lê Đăng Ng và chị Nguyễn Thị V có 01 con chung là cháu Lê Minh Tr, sinh ngày 10/11/2012. Hiện nay cháu Tr đang ở với ông bà ngoại, anh Ng và chị V thống nhất đồng ý để bà Đào Thị Mạ là bà ngoại chăm sóc giáo dục cháu Tr khi chị V không có nhà.

[4.2]. Hiện nay chị V đang lao động tại nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Cháu Tr đang ở ổn định và được bà Đào Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Chị V có nguyện vọng được nuôi con chung. Anh Ng cũng đồng ý để cháu Tr cho chị V và bà Đào Thị M nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, bà Đào Thị M là bà ngoại của cháu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Ng, chị V trong thời gian chị V không có ở nhà. Việc bà Đào Thị M nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Mặt khác nguyện vọng của cháu Tr muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung, đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn đời sống của con chung, cần áp dụng Điều 81, Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Nguyễn Thị V được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Ng có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh Ng trình bày không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này có tranh chấp các bên có quyền đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Lê Đăng Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đăng Ng được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Minh Tr, sinh ngày 10/11/2012 cho chị Nguyễn Thị V được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Lê Đăng Ng có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Lê Đăng Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007467 ngày 09/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lê Đăng Ng đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị V hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Lê Đăng Ng, bà Đào Thị M cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã NH, LG;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng